ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 262 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày22 tháng 3 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 127/TTr-TNMT ngày 21/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH thiết bị máy móc Li Ding Xiang (Việt Nam), địa chỉ trụ sở chính tại Một phần lô CN-03, Cụm công nghiệp Yên Lư, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị xử lý bề mặt Li Ding Xiang (Việt Nam)" tại Một phần lô CN-03, cụm công nghiệp Yên Lư, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị xử lý bề mặt Li Ding Xiang (Việt Nam).

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần Lô CN-03, Cụm công nghiệp Yên Lư, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 2400971948 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 24/08/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 6511443043 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 15/08/2023.

1.4. Mã số thuế: 2400971948

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất máy chuyên dụng khác, Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp máy móc thiết bị xử lý bề mặt (mã ngành VSIC: 2829).

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Một phần Lô CN-03, Cụm công nghiệp Yên Lư, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích 13.698,5m^2.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất, gia công lắp ráp máy móc thiết bị xử lý bề mặt: 10 bộ/năm (tương đương 900 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH thiết bị máy móc Li Ding Xiang (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH thiết bị máy móc Li Ding Xiang (Việt Nam) có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH thiết bị máy móc Li Ding Xiang (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án "Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị xử lý bề mặt Li Ding Xiang (Việt Nam)" tại Một phần lô CN-03, cụm công nghiệp Yên Lư, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang làm chủ đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 168/QĐ-TNMT ngày 01/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH thiết bị máy móc Li Ding Xiang (Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị xử lý bề mặt Li Ding Xiang (Việt Nam)" tại Một phần lô CN-03, cụm công nghiệp Yên Lư, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Yên Dũng, UBND xã Yên Lư, Công ty TNHH thiết bị máy móc Li Ding Xiang (Việt Nam) và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án *(trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công)*;
- Văn phòng UBND tỉnh:
+ LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
+ Cổng thông tin điện tử tỉnh;
+ Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án "Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị xử lý bề mặt Li Ding Xiang (Việt Nam)" sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 10m^3/ngày đêm đạt tiêu chuẩn quy định của cụm công nghiệp Yên Lư, huyện Yên Dũng được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Yên Lư, huyện Yên Dũng do Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A sau đó xả ra môi trường; dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 24m^3, sau đó được dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của dự án công suất 10m^3/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi thoát vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Yên Lư qua 01 điểm đấu nối.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 10m^3/ngày đêm, công nghệ xử lý sinh học AO +MBBR.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của CCN Yên Lư.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tử động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Quan trắc, giám sát định kỳ nước thải tại cửa xả và nước thải sau một số khâu xử lý như: Sau bể điều hòa, bể lắng, bể xả thải để kịp thời có giải pháp điều chỉnh vận hành đảm bảo chất lượng nước xử lý đạt quy chuẩn.

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh.

+ Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh, hoá chất khử trùng.

+ Trường hợp xảy ra sự cố, báo cáo công ty chủ hạ tầng CCN xem xét tiếp nhận xử lý nước thải cho dự án.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

- Phải dừng hoạt động Hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của trạm và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để có biện pháp xử lý.

- Đồng thời thông báo đến đơn vị Chủ hạ tầng CCN để xử lý và có phương án tiếp nhận xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/11/2025 đến ngày 01/02/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m^3/ngày đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu, tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể thu gom	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày. Thời gian dự kiến: Ngày 24/12/2025	pH, BOD_5 (20^0C), Chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng; Coliform	Tiêu chuẩn theo quy định của CCN Yên Lư
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 24/12/2025 - Lần 2: Ngày 25/12/2025 - Lần 3: Ngày 26/12/2025		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh bảo đảm đáp ứng Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Yên Lư, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 02 nguồn

- Nguồn số 1: Bụi phát sinh từ công đoạn phay, tiện, phun bi thép làm sạch bề mặt;

- Nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tĩnh điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 02 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01 (nguồn số 01): 01 dòng khí thải sau xử lý bởi hệ thống xử lý bụi cyclone trước khí thải ra ngoài môi trường.

- Dòng khí thải số 02 (nguồn số 02): 01 dòng khí thải sau xử lý bởi hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn trước khí thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

TT	Dòng khí thải	Lưu lượng khí thải (m^3/h)	Tọa độ *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0)*	
			X	Y
1	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi khu vực phun bi	7.000	2343670	417492
2	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn phun sơn bột	65.000	2343691	417571

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 72.000 m^3/h, tương đương 576.000 $m^3/ngày$ (trong thời gian làm việc: 8 giờ/ngày).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) cụ thể như sau:

+ Dòng số 1:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	**200**	06 tháng/lần

+ Dòng số 2:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT (*)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	**200**	06 tháng/lần
3	CO	mg/Nm^3	**1.000**	
4	SO2	mg/Nm^3	**500**	
5	NOx	mg/Nm^3	**850**	
6	Benzen	mg/Nm^3	**5(*)**	01 năm/lần
7	Toluen	mg/Nm^3	**750(*)**	
8	Xylen	mg/Nm^3	**870(*)**	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Bụi từ công đoạn phun bi: Bụi được thu gom theo đường ống hút Ø200 và dẫn vào hai Cyclone nối tiếp nhau dưới tác dụng của quạt hút công suất 7.000m^3/h. Bụi được xử lý sạch và thoát khí qua ống thoát khí cao 10m.

- Bụi, khí thải từ công đoạn phun sơn bột: Toàn bộ lượng sơn bột dư được thu gom bằng quạt hút, qua hệ thống xyclone thu gom sơn bột để tuần hoàn tái sử dụng. Hơi sơn trong buồng sơn, sấy được thu gom qua ống kích thước 400x400mm, dẫn vào Tủ xử lý hấp thụ vật liệu các bon và than hoạt tính, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí kích thước 400x400mm, cao 3m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi phun bi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Ống hút→ Cyclone 1 → Cyclone 2→ Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 7.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, vật liệu lọc.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải phun sơn bột:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống hút→ Tủ xử lý bằng khay lọc → Lớp lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử

lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 65.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

Than hoạt tính, vật liệu lọc cacbon : 60 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Nhà máy sẽ bố trí nhân lực để giám sát hoạt động của hệ thống nhằm kịp thời phát hiện những tiềm ẩn nguy cơ phát sinh sự cố. Công nhân vận hành hệ thống thường xuyên được đào tạo để nâng cao kiến thức và kỹ năng trong quá trình giám sát và vận hành hệ thống.

- Tự động hóa hoạt động của hệ thông xử lý khí thải nhằm hạn chế nguy cơ xảy ra sự cố. Có báo cáo theo dõi hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống

- Có kế hoạch xử lý và khắc phục khi xảy ra sự cố về hệ thống xử lý khí thải; luôn đảm bảo số lượng vật tư thay thế dự phòng.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc với tuần suất 6 tháng/lần.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án thực hiện báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

- Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/11/2025 đến ngày 01/02/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

02 hệ thống xử lý bụi, khí thải. Gồm:

- 01 hệ thống xử lý bụi từ công đoạn phay, tiện, phun bi, công suất 7.000m^3/giờ.

- 01 hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn bột, công suất 65.000m^3/giờ.

2.3. Vị trí lấy mẫu, tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí khí thải sau hệ thống xử lý bụi khu vực phun bi	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 24/12/2025 - Lần 2: Ngày 25/12/2025 - Lần 3: Ngày 26/12/2025	Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
2	01 vị trí khí thải sau hệ thống xử lý bụi khu vực phun sơn bột	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 24/12/2025 - Lần 2: Ngày 25/12/2025 - Lần 3: Ngày 26/12/2025	Bụi tổng, CO, SO_2, NOx, Benzen, Toluen, Xylen	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm *(theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này).*

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại nhà xưởng A;

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại nhà xưởng B;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: 01 vị trí tại khu vực đặt máy móc, thiết bị tại nhà xưởng A; Toạ độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): X= 2343721; Y= 417410.

- Nguồn số 02: 01 vị trí tại khu vực đặt máy móc, thiết bị tại nhà xưởng B; Toạ độ(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): X= 2343696; Y= 417337.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	*Khu vực thông thường*

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s^2 (103dB)	1,4m/s^2 (103dB)	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung,...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ,…

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.

- Đối với người lao động tại khu vực có độ ồn cao phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Sử dụng các loại máy móc hiện đại ít gây ra tiếng ồn lớn.

- Lắp đặt hệ thống giảm thanh cho các máy móc, thiết bị gây tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: **3.565** kg/năm.

TT	Loại chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	KS	80	18 02 01
2	Dầu máy tổng hợp thải	NH	15	17 02 03
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	NH	10	16 01 06
4	Bao bì nhiễm chất thải nguy hại (thùng hộp dầu, vỏ chai lọ đựng sơn)	KS	250	18 01 03
5	Hộp mực in thải bỏ	KS	5	08 02 04
6	Phôi kim loại nhiễm dầu	KS	1.150	07 03 11
7	Nước lẫn dầu cắt	NH	2.000	07 03 05
8	Than hoạt tính, vật liệu cacbon thải bỏ	NH	60	03 01 06
	Tổng		**3.565**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 955 kg/tháng, gồm:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Nguyên liệu, sản phẩm lỗi, bavia thừa, vụn sắt, inox, thép, bi thép thải bỏ,..	kg/tháng	600
2	Sản phẩm nhựa lỗi, hỏng,…	Kg/tháng	155
3	Bao bì nilong, bìa carton,....	Kg/tháng	200
Tổng		kg/tháng	955

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 43 kg/ngày tương đương 12,9 tấn/năm, thành phần chủ yếu là các chất thải thực phẩm, giấy, túi nilon, carton,…

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lit, lưu chứa các loại chất thải, bên ngoài thùng có dán nhãn cảnh báo, mã chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Bố trí kho chứa diện tích 15m^2, xây tường gạch lửng cao 1,2m, bên trên vây tôn, mái lợp tôn lưu chứa các thùng chất thải nguy hại. Nền đổ bê tông chống thấm, chống trơn trượt. Bên trong nền kho có rãnh thu gom, thoát nước 10x10x10cm và hố ga thu gom kích thước 0,5x0,5x0,5m. Ngoài cửa kho có biển cảnh báo kho chất thải nguy hại theo quy định.

Bên trong kho có bố trí bình bọt CO_2 phòng ngừa sự cố cháy nổ, bố trí xẻng và bao cát phòng ngừa sự cố tràn đổ chất thải lỏng.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất thu gom, vận chuyển xử lý 6 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải công nghiệp được thu gom, lưu chứa bằng các loại bao dứa, thùng chứa lưu chứa tạm thời trong kho.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa:

- Bố trí kho lưu chứa rác sản xuất, diện tích 15m^2, xây tường gạch lửng cao 1,2m, bên trên vây tôn, mái lợp tôn. Nền đổ bê tông chống thấm, chống trơn trượt. Ngoài cửa kho có biển cảnh báo.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất thu gom, vận chuyển xử lý 1 tháng/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 20 lit, 120 lit tại các khu văn phòng, nhà ăn, nhà vệ sinh để lưu chứa tạm thời chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu giữ

- Bố trí kho lưu chứa rác sinh hoạt, diện tích 10m^2, xây tường gạch lửng cao 1,2m, bên trên vây tôn, mái lợp tôn. Nền đổ bê tông chống thấm, chống trơn trượt. Ngoài cửa kho có biển cảnh báo.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất thu gom, vận chuyển xử lý 1 ngày/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH thiết bị máy móc Li Ding Xiang (Việt Nam) có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải của Dự án đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm Công nghiệp Yên Lư, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực

- Vận hành các hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 127/TTr-TNMT ngày 21/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.